

BÀI GIẢNG CHUYÊN SÂU: CÂU ĐIỀU KIỆN LOẠI 3 & BIẾN THỂ HỖN HỢP

1. Bản Chất và Khái Niệm Cơ Bản

Câu điều kiện loại 3 (Conditional Sentences Type 3) dùng để giả định một sự việc không thể xảy ra ở quá khứ vì nó hoàn toàn trái ngược hoặc ngược lại với sự thật lịch sử đã diễn ra.

CÔNG THỨC CHUẨN LOẠI 3:

If + S + had + V_pII (Quá khứ hoàn thành) , S + would/should/could/might + have + V_pII

Mẫu Câu và Ví Dụ Minh Họa:

- If we **had known** that you **were** there, we **would have written** you a letter.

Giải thích: Thực tế quá khứ chúng tôi không biết bạn ở đó (but we didn't know...).

- She **would have sold** the house if she **had found** the right buyer.

Giải thích: Thực tế trong quá khứ cô ấy không tìm được người mua nên chưa bán nhà.

- If it **hadn't been** for the goalkeeper, Vietnam **would have lost**.

Giải thích: Nếu không nhờ thủ môn thì Việt Nam đã thua rồi (Thực tế là không thua).

2. Cấu Trúc Đảo Ngữ Câu Điều Kiện Loại 3 (Inversion)

Khi dùng đảo ngữ, bỏ **If** và đưa trợ động từ **Had** lên đầu câu đứng trước chủ ngữ.

• Ví dụ: **Had we known** that you were there, we **would have written** you a letter.

• Lưu ý thể phủ định không viết tắt: **Had she not been** here last night...

(Không được viết: **Hadn't she been** here...)

3. Câu Điều Kiện Hỗn Hợp (Mixed Conditionals)

Dạng 1: Mệnh đề điều kiện ở Quá khứ (Loại 3) - Mệnh đề chính ở Hiện tại (Loại 2)

- If I **had taken** my father's advice, I **wouldn't be** so miserable **now**.

Giải thích: Quá khứ không nghe lời khuyên dẫn đến hiện tại bây giờ khổ sở (có từ nhận biết **now, today, these days,**

- If he **had not drunk** so much last night, he **would not feel** sick **now**.

Dạng 2: Mệnh đề điều kiện ở Hiện tại (Loại 2) - Mệnh đề chính ở Quá khứ (Loại 3)

- If he **weren't** a lazy student, he **could have passed** his examination.

Giải thích: Bản chất hiện tại lười biếng (Loại 2) dẫn đến việc thi trượt trong quá khứ (Loại 3).

4. Các Cấu Trúc Đặc Biệt và Từ Đồng Nghĩa Khác

- If + S + will/would: Diễn tả ý tự nguyện hoặc sự ngoan cố cố chấp.

Ví dụ: If you **will listen** to me, I can help you.

- If you could...: Dùng đưa ra lời yêu cầu lịch sự.

Ví dụ: If you **could open** your book, please.

- Without / But for + Noun: Nếu không có...

Ví dụ: Without your active help last year, I **would have failed**.

- Otherwise: Nếu không thì... (Ví dụ: She didn't take her father's advice.

Otherwise, she **would have been** a ballerina.)

- Unless = If... not (Trừ khi)

- If = Provided (that) / As long as: Miễn là / Với điều kiện là.

BÀI TẬP THỰC HÀNH NGAY (10 CÂU)

1. If you _____ (tell) me earlier, I would have fixed the computer for you.

2. She would have passed the exam if she _____ (study) harder last month.

3. If he had caught the early flight yesterday, he _____ (be) in London now.

4. If she _____ (not / be) so arrogant, people would have helped her when she was in trouble.

5. Viết lại câu sử dụng đảo ngữ: If we had known the truth, we wouldn't have blamed him.

→ _____

6. Viết lại câu sử dụng đảo ngữ: If it had not been for the heavy rain, we would have come on time.

→ _____

7. He didn't listen to the guide. Otherwise, he _____ (not / get) lost in the jungle.

8. _____ for your financial support last year, I could not have started this business. (Điền từ thích hợp)

9. We will miss the train _____ we leave right now. (Điền từ: Unless hoặc Provided that)

10. If you _____ (could / please / pass) me the salt, I would be grateful.

ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH CHI TIẾT

1. had told (Mệnh đề If loại 3 chia Quá khứ hoàn thành)

2. had studied (Sự việc xảy ra trong quá khứ nên áp dụng loại 3)

3. would be (Câu hỗn hợp: điều kiện quá khứ -> kết quả hiện tại 'now')

4. weren't / were not (Câu hỗn hợp: Bản chất hiện tại kiêu ngạo loại 2 -> kết quả quá khứ loại 3)
5. Had we known the truth, we wouldn't have blamed him. (Đảo ngữ loại 3)
6. Had it not been for the heavy rain, we would have come on time. (Đảo ngữ phủ định loại 3)
7. would not have got / gotten (Mệnh đề kết quả loại 3 sau Otherwise)
8. But / Without (Cấu trúc But for / Without + Noun)
9. unless (Mang nghĩa nếu không/trừ khi)
10. could please pass (Yêu cầu lịch sự lịch thiệp)